

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	04-05
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	06-07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	08-43

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		907,957,201,544	721,662,591,529
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	89,971,092,522	9,407,399,768
1. Tiền	111		39,851,092,522	9,407,399,768
2. Các khoản tương đương tiền	112		50,120,000,000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	24,628,273,973	23,362,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		24,628,273,973	23,362,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		345,493,403,292	273,087,180,210
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	189,957,890,193	165,061,231,020
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	155,374,094,965	107,854,187,369
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	161,418,134	171,761,821
IV. Hàng tồn kho	140	10	436,252,656,917	403,996,625,024
1. Hàng tồn kho	141		436,252,656,917	403,996,625,024
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,611,774,840	11,809,386,527
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	6,027,648,657	5,521,959,128
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5,517,264,457	6,287,427,399
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	66,861,726	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		211,909,331,023	158,342,173,114
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		150,000,000	50,000,000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	150,000,000	50,000,000
II. Tài sản cố định	220		149,045,878,203	137,498,833,154
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	145,236,884,868	132,026,450,723
- Nguyên giá	222		224,645,449,203	200,076,779,465
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79,408,564,335)	(68,050,328,742)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	221,145,834	468,645,834
- Nguyên giá	225		990,000,000	990,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(768,854,166)	(521,354,166)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	3,587,847,501	5,003,736,597
- Nguyên giá	228		6,098,456,667	6,098,456,667
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,510,609,166)	(1,094,720,070)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	3,484,769,913	3,524,407,011
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3,484,769,913	3,524,407,011
VI. Tài sản dài hạn khác	260		59,228,682,907	17,268,932,949
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	57,298,992,826	15,739,456,083
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	22	1,503,566,112	1,429,259,982
3. Lợi thế thương mại	269		426,123,969	100,216,884
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1,119,866,532,567	880,004,764,643

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		636,806,031,667	448,749,930,397
I. Nợ ngắn hạn	310		630,949,130,667	440,732,859,397
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	91,291,488,626	52,645,450,232
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	50,292,188,934	42,318,089,708
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	24,907,652,460	16,237,370,964
4. Phải trả người lao động	314		3,628,026,050	2,344,649,721
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	7,929,933,359	1,019,127,335
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	452,899,841,238	326,168,171,437
II. Nợ dài hạn	330		5,856,901,000	8,017,071,000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	5,856,901,000	8,017,071,000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		483,060,500,900	431,254,834,246
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	483,060,500,900	431,254,834,246
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		249,998,550,000	249,998,550,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		249,998,550,000	249,998,550,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		79,978,400,000	79,978,400,000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,698,273,899	1,698,273,899
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		138,302,221,365	91,948,617,585
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	421a		91,948,617,585	24,276,292,343
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		46,353,603,780	67,672,325,242
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		13,083,055,636	7,630,992,762
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1,119,866,532,567	880,004,764,643


Lại Thị Thu Hà
Người lập

Nguyễn Duy Quyết
Kế toán trưởng

Lê Đức Thuần
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

MÃ SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm 2023		Quý IV năm 2022		Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023		Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	
			VND		VND		VND		VND	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	580,176,907,448		207,012,053,727		1,448,469,427,269		1,022,926,667,811	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	4,444,290,752		2,449,286,679		12,994,895,154		7,982,490,646	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		575,732,616,696		204,562,767,048		1,435,474,532,115		1,014,944,177,165	
4. Giá vốn hàng bán	11	26	523,796,895,948		161,794,705,766		1,271,962,269,220		851,507,833,741	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		51,935,720,748		42,768,061,282		163,512,262,895		163,436,343,424	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	1,098,189,786		129,449,790		4,059,626,461		1,610,990,382	
7. Chi phí tài chính	22	28	7,433,617,956		4,589,215,154		34,379,369,278		17,759,970,531	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7,050,324,464		4,589,215,154		33,214,739,814		17,759,970,531	
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-		-		-		-	
9. Chi phí bán hàng	25	29	15,023,247,227		11,543,132,798		43,926,801,998		35,318,111,909	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	6,990,661,165		6,250,145,656		23,724,632,633		22,814,450,977	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+(24-(25+26))	30		23,586,384,186		20,515,017,464		65,541,085,447		89,154,800,389	
12. Thu nhập khác	31		(572,411,268)		(16,645,552)		9,761,112		18,437,104	
13. Chi phí khác	32		1,300,006,551		1,164,786,209		5,532,001,744		2,263,605,490	
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1,872,417,819)		(1,181,431,761)		(5,522,240,632)		(2,245,168,386)	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		21,713,966,367		19,333,585,703		60,018,844,815		86,909,632,003	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	3,803,657,151	2,257,055,426	13,749,966,930	15,520,512,747
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	32	957,750,446	1,814,867,730	(74,306,130)	2,322,672,814
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		16,952,558,770	15,261,662,547	46,343,184,015	69,066,446,442
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		16,421,380,579	14,511,928,632	46,353,603,780	67,672,325,242
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		531,178,191	749,733,915	(10,419,765)	1,394,121,200
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	657	527	1,854	3,185



Nguyễn Duy Quyết
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2024



Lại Thị Thu Hà
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		60,018,844,815	86,909,632,003
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		15,301,768,407	16,415,439,849
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(396,083,391)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2,288,251,714)	(1,527,735,082)
- Chi phí lãi vay	06		33,214,739,814	17,759,970,531
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		105,851,017,931	119,557,307,301
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(72,003,135,081)	(137,078,967,164)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(32,256,031,893)	(200,932,096,766)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		43,529,138,801	59,613,683,243
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(42,065,226,272)	4,711,449,705
- Tiền lãi vay đã trả	14		(33,214,739,814)	(17,759,970,531)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(19,692,207,252)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(30,158,976,328)	(191,580,801,464)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(26,759,513,980)	(11,179,905,123)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		13,000,000,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20,128,273,973)	(23,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		18,862,000,000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,692,188,361	1,527,735,082
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13,333,599,592)	(32,652,170,041)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1,237,292,172,307	864,422,203,298
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1,112,550,502,506)	(675,950,449,299)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(170,170,000)	(204,204,000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(515,231,127)	(9,999,994,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		124,056,268,674	178,267,555,499

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		80,563,692,754	(45,965,416,006)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9,407,399,768	55,372,815,774
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	89,971,092,522	9,407,399,768


 Lại Thị Thu Hà
 Người lập


 Nguyễn Duy Quyết
 Kế toán trưởng


 Lê Đức Thuận
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105950129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 06 tháng 01 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 249.998.550.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 249,998,550,000 đồng; tương đương 24,999,855 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các loại bánh.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại bánh từ bột, sản xuất đường, cacao, sô cô la và mứt kẹo;
- Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Bán buôn gạo, bán buôn thực phẩm, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Bán lẻ khác trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu.

Cấu trúc Tập đoàn

Tổng số công ty con: 4

- Số lượng công ty con được hợp nhất trực tiếp: 3
- Số lượng công ty con được hợp nhất gián tiếp: 1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:**

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Chế biến Nông Sản Thực phẩm Hồng Hà (1)	Hà Nội	90.00%	90.00%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	96.72%	96.72%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam (2)	Bình Phước	49.33%	51.00%	Sản xuất và xuất khẩu hạt điều
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại Bảo An Hà Nam (3)	Hà Nam	99.00%	99.00%	Sản xuất sản phẩm từ plastic

(1) Công ty TNHH Chế biến Nông Sản Thực phẩm Hồng Hà đã được đổi tên thành Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 25/09/2023.

(2) Ngày 17/01/2023, Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam với số tiền là 5.100.000.000 đồng, tỷ lệ nắm giữ trực tiếp là 51%, tỷ lệ nắm giữ gián tiếp của Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc tại Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam là 49,33%.

(3) Ngày 23/12/2023, Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc đầu tư vào Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại Bảo An Hà Nam với số tiền là 99.000.000.000 đồng, tỷ lệ nắm giữ trực tiếp là 99%.

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ**

Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 44 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

- Máy móc, thiết bị

05 - 44 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 năm đến 05 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí bảo hiểm, chi phí cải tạo, sửa chữa, công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong .

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	7,261,385,246	7,989,022,328
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32,589,707,276	1,418,377,440
Các khoản tương đương tiền	50,120,000,000	-
	89,971,092,522	9,407,399,768

Tại 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương với lãi suất 2,7%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	24,628,273,973	24,628,273,973	23,362,000,000	23,362,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn	24,628,273,973	24,628,273,973	23,362,000,000	23,362,000,000
	24,628,273,973	24,628,273,973	23,362,000,000	23,362,000,000

Tại 31/12/2023, khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng với lãi suất từ 3,25%/năm đến 7,25%/năm.

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Goodchoice Việt Nam	11,758,294,480	194,325,696
Công ty CP Thương mại Bách Hóa Xanh	-	732,139,944
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	4,137,161,730	5,450,335,323
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Quốc Tế Tonkin Link	8,674,020,000	-
Công ty Cổ Phần Thương Mại và Đầu Tư NLC	7,519,759,200	-
Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa	-	-
LLC HAYAT	15,820,962,594	-
UAB BALTIC GATE TERMINAL	20,092,351,169	-
LLC "OFS-EXPORT"	9,312,986,634	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	112,642,354,386	158,684,430,057
	189,957,890,193	165,061,231,020
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	49,750,865	62,101,464
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)</i>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư Aloland (1)	34,002,250,000	-	34,002,250,000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hướng Dương Milk Tea Fresh	-	-	17,040,660,700	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Alohome	10,000,000,000	-	-	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Bảo An (2)	30,741,479,000	-	30,741,479,000	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Quốc tế Bảo Tín	38,000,000,000	-	-	-
Công ty cổ phần LIFE'S GIFT Việt Nam	7,000,000,000	-	-	-
Công ty Cổ phần ABG Việt Nam	-	-	7,493,757,200	-
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Ánh Thu	5,580,616,240	-	-	-
Công ty cổ phần sản xuất Bao Bì Tây Đô	9,700,243,139	-	-	-
Công Ty TNHH Thương Mại Thành Trung LS	2,196,606,717	-	-	-
Trả trước khác	18,152,899,869	-	18,576,040,469	-
	155,374,094,965	-	107,854,187,369	-
b) Trả trước cho người bán là các bên liên	9,700,243,139	-	7,493,757,200	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)</i>				

(1) Khoản tạm ứng theo Hợp đồng tổng thầu số 1506/2021/HĐKT/BN-CV ngày 15/06/2021 giữa Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc và Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Thương mại - Chợ truyền thống Việt Nam (nay đổi tên thành Công ty CP Đầu tư Aloland) về việc xây dựng dự án Nhà máy sản xuất Bảo Ngọc Miền Trung tại Lô U1-U3, đường ven DT602, KCN Hòa Khánh mở rộng, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

(2) Khoản tạm ứng theo Hợp đồng nguyên tắc số 01/2021/HĐNT/BN-BALA ngày 25/03/2021 giữa Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc và Công ty TNHH BaLa Việt Nam (nay đổi tên thành Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Bảo An) về việc mua dây chuyền máy móc thiết bị sử dụng cho dự án Nhà máy sản xuất Bảo Ngọc Miền Trung tại Lô U1-U3, đường ven DT602, KCN Hòa Khánh mở rộng, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	2,885,717	-	-	-
Tạm ứng	64,712,000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	27,000,000	-	27,000,000	-
Phải thu khác	66,820,417	-	144,761,821	-
	161,418,134	-	171,761,821	-
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	150,000,000	-	50,000,000	-
	150,000,000	-	50,000,000	-

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	218,971,325,329	-	154,975,232,311	-
Công cụ, dụng cụ	348,897,761	-	316,224,661	-
Thành phẩm	216,849,983,827	-	244,355,407,978	-
Hàng hoá	82,450,000	-	4,349,760,074	-
	436,252,656,917	-	403,996,625,024	-

11 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	3,484,769,913	3,524,407,011
Sửa chữa văn phòng	3,110,759,042	3,210,396,140
Thiết kế Website	255,252,000	255,252,000
Xây dựng nhà máy Miền Trung	99,923,000	39,923,000
Cải tạo xưởng sản xuất	18,835,871	18,835,871
	3,484,769,913	3,524,407,011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Tại ngày 01/01/2023	66,661,488,703	123,783,638,473	7,793,337,272	1,669,885,017	168,430,000	200,076,779,465	
Mua sắm	-	1,097,924,000	215,000,000	49,545,455	-	1,362,469,455	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	24,921,681,623	-	-	-	-	24,921,681,623	
Hợp nhất công ty con mua trong kỳ	-	-	1,041,363,636	33,627,273	-	1,074,990,909	
Tặng khác	49,403,936,647	-	-	-	-	49,403,936,647	
Thanh lý, nhượng bán (1)	(52,194,408,896)	-	-	-	-	(52,194,408,896)	
Tại ngày 31/12/2023	88,792,698,077	124,881,562,473	9,049,700,908	1,753,057,745	168,430,000	224,645,449,203	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Tại ngày 01/01/2023	32,004,413,693	30,808,569,815	4,375,518,162	745,624,581	116,202,491	68,050,328,742	
Trích khấu hao	2,651,864,960	9,609,631,302	1,040,677,940	320,420,188	15,784,921	13,638,379,311	
Hợp nhất công ty con mua trong kỳ	-	-	502,305,897	8,022,634	-	510,328,531	
Thanh lý, nhượng bán (1)	(2,790,472,249)	-	-	-	-	(2,790,472,249)	
Tại ngày 31/12/2023	31,865,806,404	40,418,201,117	5,918,501,999	1,074,067,403	131,987,412	79,408,564,335	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2023	34,657,075,010	92,975,068,658	3,417,819,110	924,260,436	52,227,509	132,026,450,723	
Tại ngày 31/12/2023	56,926,891,673	84,463,361,356	3,131,198,909	678,990,342	36,442,588	145,236,884,868	

(1) Trong kỳ, Đơn vị có thực hiện thanh lý TSCĐ là Nhà văn phòng và Nhà xưởng tại Lô A2 CN8 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 25.751.249.837 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Tài sản cố định thuê tài chính là 02 máy móc, thiết bị có tổng nguyên giá là 990.000.000 đồng, số khấu hao trong kỳ là 247.500.000 đồng, khấu hao lũy kế đến 31/12/2023 là 768.854.166 đồng.

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2023	6,098,456,667	6,098,456,667
Tại ngày 31/12/2023	6,098,456,667	6,098,456,667
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2023	1,094,720,070	1,094,720,070
Trích khấu hao	1,415,889,096	1,415,889,096
Tại ngày 31/12/2023	2,510,609,166	2,510,609,166
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2023	5,003,736,597	5,003,736,597
Tại ngày 31/12/2023	3,587,847,501	3,587,847,501

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1,106,429,617	755,256,017
Chi phí bảo hiểm	255,285,639	56,917,157
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	3,083,196,189	4,511,994,808
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1,582,737,212	197,791,146
	6,027,648,657	5,521,959,128
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	214,089,854	588,049,770
Chi phí thuê đất	56,716,989,578	14,235,236,918
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	326,689,237	898,180,075
Chi phí trả trước dài hạn khác	41,224,157	17,989,320
	57,298,992,826	15,739,456,083

16 . LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Giá trị lợi thể thương mại phát sinh từ việc mua công ty con trong kỳ	426,123,969	100,216,884
	426,123,969	100,216,884

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hà Lan	7,452,908,917	7,452,908,917	10,824,055,595	10,824,055,595
Công ty TNHH Sản xuất Bột Mỹ Vimaflour	4,973,014,000	4,973,014,000	687,181,500	687,181,500
Công ty Cổ phần XNK thực phẩm Minh Phú	2,348,358,400	2,348,358,400	644,841,000	644,841,000
Công ty cổ phần sản xuất bao bì Tây Đô	1,133,627,874	1,133,627,874	2,925,977,957	2,925,977,957
Công ty Cổ Phần Xuân Xuân	2,761,394,000	2,761,394,000	-	-
Công Ty TNHH Sản Xuất & Thương Mại Thực Phẩm TH	2,297,853,760	2,297,853,760	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Phương Hoàng	4,766,763,594	4,766,763,594	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Việt Á	13,488,886,488	13,488,886,488	-	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Nam Hoa Thành	9,847,906,140	9,847,906,140	-	-
Các khoản phải trả khác	42,220,775,453	42,220,775,453	37,563,394,180	37,563,394,180
	91,291,488,626	91,291,488,626	52,645,450,232	52,645,450,232
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	1,251,125,559	1,251,125,559	3,278,149,526	3,278,149,526
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)</i>				

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa ⁽¹⁾	43,000,000,000	35,000,000,000
Công ty TNHH SX TM DV Hướng Dương Milk Tea Fresh	-	6,005,225,992
Công ty CP Create Capital Việt Nam	3,655,057,966	-
Trả trước khác	3,637,130,968	1,312,863,716
	50,292,188,934	42,318,089,708

⁽¹⁾ Đây là khoản tiền mà Công ty trên trả trước 1 phần tiền, liên quan đến hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất thuê ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ: Lô A2 CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	90,754,063	11,755,082,049	843,827,037	400,000	11,002,409,075
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	15,610,139,726	14,057,201,106	16,003,145,032	-	13,664,195,800
Thuế Thu nhập cá nhân	-	536,477,175	159,591,066	590,956,656	-	105,111,585
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	175,017,600	105,543,326	66,461,726	135,936,000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	242,719,158	242,719,158	-	-
	-	16,237,370,964	26,389,610,979	17,786,191,209	66,861,726	24,907,652,460

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	129,358,950	387,940,797
Bảo hiểm y tế	21,527,300	69,428,673
Bảo hiểm thất nghiệp	10,145,800	30,384,588
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	515,231,127
Công ty TNHH XNK Thương Mại Bảo An	6,257,738,916	-
Phải trả khác	1,511,162,393	16,142,150
	7,929,933,359	1,019,127,335

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Trong kỳ		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	323,214,396,937	323,214,396,937	1,237,292,172,307	(1,109,660,732,006)	450,845,837,238	450,845,837,238
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	51,955,708,575	51,955,708,575	190,025,862,879	(166,019,937,516)	75,961,633,938	75,961,633,938
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	49,668,747,822	49,668,747,822	218,394,181,131	(198,350,358,030)	69,712,570,923	69,712,570,923
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Bắc Ninh	20,000,000,000	20,000,000,000	130,000,000,000	(100,000,000,000)	50,000,000,000	50,000,000,000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	99,980,460,036	99,980,460,036	237,413,501,376	(238,405,697,661)	98,988,263,751	98,988,263,751
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	101,609,480,504	101,609,480,504	273,080,588,285	(312,899,523,589)	61,790,545,200	61,790,545,200
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	-	40,000,000,000	-	40,000,000,000	40,000,000,000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh	-	-	40,275,000,000	(20,475,000,000)	19,800,000,000	19,800,000,000
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	-	-	35,370,030,936	(18,427,847,510)	16,942,183,426	16,942,183,426
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu VN ¹	-	-	72,733,007,700	(55,082,367,700)	17,650,640,000	17,650,640,000
Nợ dài hạn đến hạn trả	2,953,774,500	2,953,774,500	2,160,170,000	(3,059,940,500)	2,054,004,000	2,054,004,000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	151,200,000	151,200,000	140,200,000	(291,400,000)	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	748,570,500	748,570,500	-	(748,570,500)	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	1,764,000,000	1,764,000,000	1,764,000,000	(1,764,000,000)	1,764,000,000	1,764,000,000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	85,800,000	85,800,000	85,800,000	(85,800,000)	85,800,000	85,800,000
Nợ thuế tài chính dài hạn	204,204,000	204,204,000	170,170,000	(170,170,000)	204,204,000	204,204,000
	326,168,171,437	326,168,171,437	1,239,452,342,307	(1,112,720,672,506)	452,899,841,238	452,899,841,238

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	291,400,000	291,400,000	-	(291,400,000)	-
	Ngân hàng TMCP Quân đội	748,570,500	748,570,500	-	(748,570,500)	-
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	9,275,000,000	9,275,000,000	-	(1,764,000,000)	7,511,000,000
	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	264,550,000	264,550,000	-	(85,800,000)	178,750,000
	Nợ thuê tài chính dài hạn	391,325,000	391,325,000	-	(170,170,000)	221,155,000
		10,970,845,500	10,970,845,500	-	(3,059,940,500)	7,910,905,000
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng		2,953,774,500	2,953,774,500	2,160,170,000	(3,059,940,500)	2,054,004,000
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng		8,017,071,000	8,017,071,000		5,856,901,000	5,856,901,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/12/2023	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo	Đơn vị tính: VND
I	Vay ngắn hạn								
I	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	45,000,000,000				75,961,633,938	75,961,633,938		
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 280/2022-HĐCVHM/NHCT131-BN ngày 12/09/2022		Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	16,211,992,617	16,211,992,617	- Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 1263 19, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/03/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung đi kèm. - Các hợp đồng thế chấp tài sản khác	
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 282/2022-HĐCVHM/NHCT131-IHH ngày 12 tháng 09 năm 2022.	60,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	43,749,641,321	43,749,641,321	- Các hợp đồng thế chấp tài sản được quy định trong hợp đồng cho vay.	
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 313/2023-HĐCVHM/NHCT131-THANH NAM ngày 10 tháng 10 năm 2023.	20,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	16,000,000,000	16,000,000,000	- Hợp đồng thế chấp bất động sản công chứng 011214, quyền số 7/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 28/07/2023 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và bà Lê Thu Huyền và các văn bản sửa đổi bổ sung nếu có.	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/12/2023	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
2	Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam					69,712,570,923	69,712,570,923	
	Hợp đồng tín dụng số HN/2022/02/BCB/HDTD ngày 12/01/2022 và hợp đồng bổ sung số HN/2022/02/BCB/HDTD/BS1 ngày 11/01/2023					19,144,707,911	19,144,707,911	
	Hợp đồng tín dụng số HN/2022/04/BCB/HDTD ngày 12/01/2022 và Hợp đồng bổ sung số HN/2022/03/BCB/HDTD/BS1 ngày 11/01/2023	70,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ	Quy định trong từng giấy nhận nợ	36,785,642,082	36,785,642,082	- Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn. - Bảo lãnh bằng tài sản của cổ đông chính (ông Lê Đức Thuận).
	Hợp đồng tín dụng số HN/2022/03/BCB/HDTD ngày 12/01/2022 và Hợp đồng bổ sung số HN/2022/03/BCB/HDTD/BS1 ngày 11/01/2023					13,782,220,930	13,782,220,930	
3	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Bắc Ninh					50,000,000,000	50,000,000,000	
	Hợp đồng cho vay hạn mức số VN123001244/2023- HDCVHM/WBVN300 ngày 28/02/2023	50,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	50,000,000,000	50,000,000,000	Bảo lãnh bằng tài sản của cổ đông lớn (ông Lê Đức Thuận).
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam					98,988,263,751	98,988,263,751	
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022/4887990/HDTD ngày 22 tháng 06 năm 2022	100,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Tối đa 12 tháng kể từ ngày giải ngân	Áp dụng từng lần giải ngân	98,988,263,751	98,988,263,751	Đảm bảo bằng 100% số dư tài khoản tiền gửi từ hoạt động SXKD bằng VND và ngoại tệ của doanh nghiệp trên tài khoản của Doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác.

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/12/2023	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo	Đơn vị tính: VND
5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022/CVHM/VCBHN-BN ngày 23 tháng 06 năm 2022	62,000,000,000	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng ngắn hạn, hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ	Quy định trong từng giấy nhận nợ	61,790,545,200 61,790,545,200	61,790,545,200 61,790,545,200	- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 628 và số 629 tại địa chỉ phường Long Phước, thành phố Thủ Đức, TP.HCM thuộc sở hữu của ông Lê Đức Thuần và bà Lê Thu Huyền. - Hàng hóa luân chuyển và các khoản phải thu trong quá trình sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng thế chấp số 01/2021/TCHHKPT/VCB-BN ngày 22/06/2021.	
6	Ngân hàng TMCP Quân Đội					40,000,000,000	40,000,000,000		
	Hợp đồng cấp tín dụng số 170435.23.056.1516289.TD ngày 02/11/2023	50,000,000,000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bán kèo của khách hàng	Từ ngày giao kết hợp đồng đến ngày 23/10/2024	Theo từng giấy nhận nợ	40,000,000,000	40,000,000,000	- Tài sản thế chấp là toàn bộ hàng hóa đã, đang và sẽ hình thành luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh của bên thế chấp tại Thôn Vực, xã Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. - Toàn bộ số tiền/ số dư và lãi phát sinh trên tài khoản ngân hàng số 0081101308006 mở tại Ngân	
7	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng					19,800,000,000	19,800,000,000		
	Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 200623-11366296-01- SME ngày 22/06/2023	50,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	19,800,000,000	19,800,000,000	- Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn. - Bảo lãnh bằng tài sản của cổ đông.	
6	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam					16,942,183,426	16,942,183,426		
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 112- 0000871.04747/2023/HDDTD ngày 02/08/2023	20,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh/phát hành bảo lãnh L/C của khách hàng	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	16,942,183,426	16,942,183,426	- Không có tài sản đảm bảo.	
7	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu VN Việt Nam					17,650,640,000	17,650,640,000		
	Hợp đồng tín dụng số 1805- LAV-230106957 ngày 20/12/2023	18,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh nông sản điều	12 tháng	Áp dụng theo từng lần giải ngân	17,650,640,000	17,650,640,000	- Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đỗ Thị Tâm được chi tiết trong Hợp đồng bảo đảm.	
	Tổng cộng vay ngắn hạn					450,845,837,238	450,845,837,238		

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/12/2023	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
II	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn							
1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	11,921,000,000				7,511,000,000	1,764,000,000	
	Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 004/TBN- TSN/21TDH ngày 14/01/2021		Đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất bánh bông lan chà bông tự động mới 100%.	84 tháng	Áp dụng từng lần giải ngân	7,511,000,000	1,764,000,000	- Tài sản hình thành từ vốn vay - Quyền sử dụng đất và nhà ở tại 68 đường Phạm Ngọc Thao, phường Tây Thanh, quận Tân Phú, TP.HCM theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 003/TBN-TSN/21TC ngày 14/01/2021.
2	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam					178,750,000	85,800,000	
	Hợp đồng tín dụng số SHBVN/RMC/2021/HĐTD- 0079 ngày 15/01/2021	429,000,000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	60 tháng	8,5%/năm	178,750,000	85,800,000	Tài sản hình thành từ vốn vay
3	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam					221,155,000	204,204,000	
	Hợp đồng số 01.113/2020/TSC-CTTC ngày 25 tháng 09 năm 2020	605,000,000	Thuê máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	48 tháng	8,5%/năm	98,295,000	113,448,000	Ký cược bảo đảm
	Hợp đồng số 01.114/2020/TSC-CTTC ngày 25 tháng 09 năm 2020	484,000,000	Thuê máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	48 tháng	8,5%/năm	122,860,000	90,756,000	Ký cược bảo đảm
	Tổng cộng vay và nợ thuê tài chính dài hạn					7,910,905,000	2,054,004,000	
	Tổng cộng vay					458,756,742,238	452,899,841,238	

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22 . TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1,503,566,112	1,429,259,982
	<u><u>1,503,566,112</u></u>	<u><u>1,429,259,982</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022	199,999,890,000	79,813,400,000	1,698,273,899	84,274,946,843	6,441,292,319	372,227,803,061
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	67,672,325,242	1,394,121,200	69,066,446,442
Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền	-	-	-	(9,999,994,500)	-	(9,999,994,500)
Tăng khác	-	165,000,000	-	-	-	165,000,000
Giảm khác	-	-	-	-	(204,420,757)	(204,420,757)
Tại ngày 31/12/2022	199,999,890,000	79,978,400,000	1,698,273,899	141,947,277,585	7,630,992,762	431,254,834,246
Tại ngày 01/01/2023	249,998,550,000	79,978,400,000	1,698,273,899	91,948,617,585	7,630,992,762	431,254,834,246
Lãi trong kỳ này	-	-	-	46,353,603,780	(10,419,765)	46,343,184,015
Hợp nhất công ty con mua trong kỳ	-	-	-	-	5,482,119,939	5,482,119,939
Giảm khác	-	-	-	-	(19,637,300)	(19,637,300)
Tại ngày 31/12/2023	249,998,550,000	79,978,400,000	1,698,273,899	138,302,221,365	13,083,055,636	483,060,500,900

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Á Long	0.00%	620,000	0.00%	620,000
Ông Lê Đức Thuận	36.06%	90,157,350,000	36.06%	90,157,350,000
Vốn góp của các cổ đông khác	63.94%	159,840,580,000	63.94%	159,840,580,000
	100%	249,998,550,000	100%	249,998,550,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý IV năm 2023	Quý IV năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	249,998,550,000	249,998,550,000
- Vốn góp đầu kỳ	249,998,550,000	199,999,890,000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	49,998,660,000
- Vốn góp cuối kỳ	249,998,550,000	249,998,550,000

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24,999,855	24,999,855
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	24,999,855	24,999,855
- Cổ phiếu phổ thông	24,999,855	24,999,855
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24,999,855	24,999,855
- Cổ phiếu phổ thông	24,999,855	24,999,855
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1,698,273,899	1,698,273,899
	1,698,273,899	1,698,273,899

24 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý IV năm 2023	Quý IV năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	124,161,122,818	202,449,817,528
Doanh thu bán hàng hóa	456,015,784,630	2,814,860,000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	1,747,376,199
	580,176,907,448	207,012,053,727
Doanh thu đối với các bên liên quan	1,863,946,758	1,281,598,697

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Quý IV năm 2023	Quý IV năm 2022
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	215,460,043	-
Hàng bán bị trả lại	4,228,830,709	2,449,286,679
	4,444,290,752	2,449,286,679

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý IV năm 2023	Quý IV năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	175,674,197,903	159,204,205,588
Giá vốn của hàng hóa đã bán	348,122,698,045	2,590,500,178
	523,796,895,948	161,794,705,766

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý IV năm 2023	Quý IV năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	105,658,077	46,194,490
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	596,473,609	83,255,300
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	396,058,100	-
	1,098,189,786	129,449,790

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý IV năm 2023	Quý IV năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	7,050,324,464	4,589,215,154
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	383,293,492	-
	7,433,617,956	4,589,215,154

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý IV năm 2023	Quý IV năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	4,749,999	30,865,487
Chi phí nhân công	3,868,520,884	2,716,400,962
Chi phí khấu hao tài sản cố định	263,476,840	263,476,841
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10,886,207,472	8,513,379,427
Chi phí khác bằng tiền	292,032	19,010,081
	15,023,247,227	11,543,132,798

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý IV năm 2023	Quý IV năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	144,506,054	320,901,327
Chi phí nhân công	2,329,917,192	1,761,140,329
Chi phí khấu hao tài sản cố định	920,695,822	1,178,172,086
Thuế, phí, lệ phí	544,855,873	141,638,946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,533,159,043	2,679,120,150
Lợi thế thương mại	370,594,051	38,981,251
Chi phí khác bằng tiền	146,933,130	130,191,567
	6,990,661,165	6,250,145,656

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý IV năm 2023	Quý IV năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21,713,966,367	19,333,585,703
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3,803,657,151	2,257,055,426
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3,803,657,151	2,257,055,426

32 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Quý IV năm 2023	Quý IV năm 2022
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	957,750,446	1,814,867,730
	957,750,446	1,814,867,730

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	46,353,603,780	67,672,325,242
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	46,353,603,780	67,672,325,242
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	24,999,855	21,249,956
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,854	3,185

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,120,724,780,949	960,254,636,833
Chi phí nhân công	37,224,758,972	35,475,145,752
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15,301,768,407	16,415,439,849
Chi phí thuê và lệ phí	1,744,467,654	608,600,155
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47,727,989,769	37,778,882,758
Chi phí khác bằng tiền	627,563,358	1,645,989,243
	1,223,351,329,109	1,052,178,694,590

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán			
		31/12/2023		01/01/2023	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	89,971,092,522	-	-	9,407,399,768	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	190,269,308,327	-	-	165,282,992,841	-
Đầu tư ngắn hạn	24,628,273,973	-	-	23,362,000,000	-
	304,868,674,822	-	-	198,052,392,609	-

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ		458,756,742,238	334,185,242,437
Phải trả người bán, phải trả khác		99,221,421,985	53,664,577,567
		557,978,164,223	387,849,820,004

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	89,971,092,522	-	-	89,971,092,522
Phải thu khách hàng, phải thu khác	190,119,308,327	150,000,000	-	190,269,308,327
Đầu tư ngắn hạn	24,628,273,973	-	-	24,628,273,973
	304,718,674,822	150,000,000	-	304,868,674,822
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9,407,399,768	-	-	9,407,399,768
Phải thu khách hàng, phải thu khác	165,232,992,841	50,000,000	-	165,282,992,841
Đầu tư ngắn hạn	23,362,000,000	-	-	23,362,000,000
	198,002,392,609	50,000,000	-	198,052,392,609

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	452,899,841,238	5,856,901,000	-	458,756,742,238
Phải trả người bán, phải trả khác	99,221,421,985	-	-	99,221,421,985
	552,121,263,223	5,856,901,000	-	557,978,164,223
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	326,168,171,437	8,017,071,000	-	334,185,242,437
Phải trả người bán, phải trả khác	53,664,577,567	-	-	53,664,577,567
	379,832,749,004	8,017,071,000	-	387,849,820,004

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	124,161,122,818	451,571,493,878	-	575,732,616,696	575,732,616,696
Chi phí bộ phận trực tiếp	175,674,197,903	348,122,698,045	-	523,796,895,948	523,796,895,948
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(51,513,075,085)	103,448,795,833	-	51,935,720,748	51,935,720,748
Tổng chi phí mua TSCĐ	26,284,151,078	-	-	26,284,151,078	26,284,151,078
Tài sản bộ phận trực tiếp	84,463,361,356	-	-	84,463,361,356	84,463,361,356
Tài sản không phân bổ	-	-	-	1,035,403,171,211	1,035,403,171,211
Tổng tài sản	84,463,361,356	-	-	1,119,866,532,567	1,119,866,532,567
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	45,034,661,260	-	-	45,034,661,260	45,034,661,260
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	591,771,370,407	591,771,370,407
Tổng nợ phải trả	45,034,661,260	-	-	636,806,031,667	636,806,031,667

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Quý IV năm 2023 VND	Quý IV năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty CP Á Long	(*)	12,025,258	1,269,798,520
Công ty CP ABG Việt Nam	(**)	1,851,921,500	-
Công ty CP Sản xuất Bao Bì Tây Đô	(***)	-	11,800,177
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Á Long	(*)	-	15,629,000
Công ty CP Sản xuất Bao Bì Tây Đô	(***)	6,005,711,529	4,899,866,017

Số dư tại ngày kết thúc kỳ:

	Mối quan hệ	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng			
Công ty CP Á Long	(*)	6,296,719	47,221,847
Công ty CP ABG Việt Nam	(**)	75,220	-
Công ty CP Sản xuất Bao Bì Tây Đô	(***)	43,378,926	14,879,617
Trả trước cho người bán			
Công ty CP ABG Việt Nam	(**)	-	7,493,757,200
Công ty CP Sản xuất Bao Bì Tây Đô	(***)	9,700,243,139	-
Phải trả người bán			
Công ty CP Á Long	(*)	-	222,409,896
Công ty CP Sản xuất Bao Bì Tây Đô	(***)	1,251,125,559	3,055,739,630
Người mua trả tiền trước			
Công ty CP ABG Việt Nam	(**)	-	36,937,609

(*) Chủ tịch HĐQT của Công ty, đồng thời là cổ đông lớn kiêm Tổng giám đốc của Công ty trên.

(**) Giám đốc Công ty trên đồng thời là vợ của Chủ tịch HĐQT Công ty.

(***) Giám đốc Công ty trên đồng thời là Thành viên HĐQT của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Quý IV năm 2023	Quý IV năm 2022
		VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		358,838,416	69,000,000
Lê Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	37,500,000	45,000,000
Trần Xuân Vinh	Thành viên HĐQT	21,000,000	24,000,000
Đặng Minh Quang	Thành viên HĐQT	21,000,000	-
Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 09/06/2023) kiêm Giám đốc	124,502,845	-
Bùi Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 09/06/2023) kiêm Tổng Giám đốc	154,835,571	-

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2022 do Công ty lập.

Lại Thị Thu Hà
Người lập

Nguyễn Duy Quyết
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2024

UHY